

Số: 266 /DMCN-TCHC
V/v Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PCN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tề Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: (04) 38271483 Fax: (04) 38780902
5. Người thực hiện công bố thông tin: Người đại diện theo pháp luật của Công ty là: Ông Trần Khắc Ngu – Giám đốc Công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2017 của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc được lập ngày 11/8/2017, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Công văn giải trình biến động lợi nhuận 6 tháng năm 2017.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính www.pvdmcn.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- www.pvdmcn.com.vn
- “Quan hệ cổ đông”;
- Lưu: VT, TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Trần Khắc Ngu

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM
DẦU KHÍ DMC-MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 267/DMCN - TCKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

V/v giải trình biến động
lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – miền Bắc (mã chứng khoán PCN) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế soát xét đầu năm 2017 bị lỗ và chuyển từ lỗ cùng kỳ năm 2016 sang lỗ ở kỳ này là do các nguyên nhân sau :

- Do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của các khách hàng trong ngành dầu khí giảm mạnh, Công ty phải tạm dừng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm phục vụ cho ngành dầu khí nên bị lỗ các chi phí cố định (khấu hao TSCĐ, tiền thuê đất, Bảo hiểm xã hội ...)
- Do lượng hàng tồn kho tiêu thụ rất chậm nên tăng chi phí giá vốn của Công ty.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Ngu

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ
DMC - MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Khắc Ngự	Thành viên
Bà Lương Nguyễn Minh Phượng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên
Ông Vũ Thanh Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Ngự	Giám đốc
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Hoa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thăng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

00112
CÔNG
CH NHIỆ
ELO
VIỆT
ĐA

Số: 255 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm đầu khí DMC - Miền Bắc**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm đầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017, từ trang 03 đến trang 19 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

500 -
3 TY
A HUU
TTI
NAM
TP. V

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, mặc dù tài sản ngắn hạn cao hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 28.425.867.622 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cao hơn với số tiền là 32.579.244.289 VND), tuy nhiên Công ty có lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 8.286.433.125 VND (lỗ lũy kế tại 31 tháng 12 năm 2016 là 3.286.700.170 VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày bị âm 3.327.848.421 VND. Các yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 8 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.536.956.498	39.886.997.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.098.910.950	6.256.800.471
1. Tiền	111		1.098.910.950	4.256.800.471
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.648.476.301	6.439.953.848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.182.829.069	8.114.718.616
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		297.295.917	324.952.420
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		531.756.664	362.103.406
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(2.363.405.349)	(2.361.820.594)
III. Hàng tồn kho	140	7	26.537.572.616	26.870.802.152
1. Hàng tồn kho	141		27.406.761.737	27.940.310.507
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(869.189.121)	(1.069.508.355)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		251.996.631	319.441.331
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		140.123.017	39.451.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	148.823.162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	111.873.614	131.166.669
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.035.738.763	4.882.095.051
I. Tài sản cố định	220		3.797.829.652	4.644.185.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.757.579.665	4.592.435.951
- Nguyên giá	222		36.940.667.024	37.877.994.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.183.087.359)	(33.285.559.026)
2. Tài sản cố định vô hình	227		40.249.987	51.749.989
- Nguyên giá	228		148.984.800	148.984.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.734.813)	(97.234.811)
II. Tài sản dài hạn khác	260		237.909.111	237.909.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		237.909.111	237.909.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.572.695.261	44.769.092.853

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.111.088.876	7.307.753.513
I. Nợ ngắn hạn	310		6.111.088.876	7.307.753.513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	1.990.091.726	2.099.697.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		169.696.951	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	174.962.222	1.586.870
4. Phải trả người lao động	314		-	22.720.388
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.861.774.158	1.753.363.425
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		896.517.689	368.498.554
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	1.015.071.750	3.055.112.850
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.974.380	6.774.380
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.461.606.385	37.461.339.340
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	32.461.606.385	37.461.339.340
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.245.500.000	39.245.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.245.500.000	39.245.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.502.539.510	1.502.539.510
3. (Lỗ) lũy kế	421		(8.286.433.125)	(3.286.700.170)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.286.700.170)	-
- (Lỗ) kỳ này/năm nay	421b		(4.999.732.955)	(3.286.700.170)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		38.572.695.261	44.769.092.853

Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Lê Thị Việt Hà
Phó phòng phụ trách kế toán



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	18.887.084.320	130.485.816.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	50.201.817	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	18.836.882.503	130.485.816.329
4. Giá vốn hàng bán	11	15	19.288.166.130	123.903.134.270
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(451.283.627)	6.582.682.059
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		17.223.179	67.243.989
7. Chi phí tài chính	22		55.557.739	40.854.780
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.771.121	40.760.215
8. Chi phí bán hàng	25	17	2.282.811.355	3.593.978.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	2.300.925.413	3.133.724.758
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(5.073.354.955)	(118.631.708)
11. Thu nhập khác	31		215.000.000	12.600.000
12. Chi phí khác	32		141.378.000	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		73.622.000	12.600.000
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4.999.732.955)	(106.031.708)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	111.873.614
16. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(4.999.732.955)	(217.905.322)
17. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	19	(1.274)	(56)

Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Lê Thị Việt Hà
Phó phòng phụ trách kế toán

Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(4.999.732.955)	(106.031.708)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	846.356.288	970.089.426
Các khoản dự phòng	03	(198.734.479)	280.712.735
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(210.000.000)	-
Chi phí lãi vay	06	38.771.121	40.760.215
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.523.340.025)	1.185.530.668
Tăng,giảm các khoản phải thu	09	(41.990.991)	(489.010.350)
Tăng,giảm hàng tồn kho	10	533.548.770	(3.096.944.238)
Tăng,giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	847.176.463	(1.021.860.491)
Tăng,giảm chi phí trả trước	12	(100.671.517)	124.222.576
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.771.121)	(40.760.215)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(729.693.278)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.800.000)	(359.363.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.327.848.421)	(4.427.878.488)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	210.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	210.000.000	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.015.071.750	8.853.528.300
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.055.112.850)	(3.629.139.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.040.041.100)	5.224.388.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(5.157.889.521)	796.509.912
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.256.800.471	5.274.520.700
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	1.098.910.950	6.071.030.612

Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Lê Thị Việt Hà
Phó phòng phụ trách kế toán



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PCN.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 158 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 169).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán buôn dầu mỏ, dầu thô chưa tinh chế;
- Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
- Bán buôn phân bón, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn cao su; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polyetylen và các sản phẩm có liên quan;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất mua bán hóa chất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

00 - C
TY
HỮU HẠ
TE
AM
P. HA

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục. Mặc dù tài sản ngắn hạn cao hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 28.425.867.622 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cao hơn với số tiền là 32.579.244.289 VND), tuy nhiên Công ty có lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 8.286.433.125 VND (lỗ lũy kế tại 31 tháng 12 năm 2016 là 3.286.700.170 VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày bị âm 3.327.848.421 VND. Các yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh trong năm tới, khả năng thu hồi công nợ cũng như các hỗ trợ từ Công ty mẹ. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu dưới ba (03) tháng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này (Năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có khoản lỗ lũy kế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ban Giám đốc Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lỗ lũy kế này do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai để bù trừ với khoản lỗ lũy kế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	15.478.863	52.904.594
Tiền gửi ngân hàng	1.083.432.087	4.203.895.877
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
	1.098.910.950	6.256.800.471

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.192.230.232	5.478.291.230
Các khách hàng khác	6.192.230.232	5.478.291.230
b. Phải thu các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 20)	1.990.598.837	2.636.427.386
	8.182.829.069	8.114.718.616

6. NỢ XẤU

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.598.624.609	235.219.260	2.437.917.094	76.096.500
<i>Công ty Cổ phần Cầu 14 (quá hạn trên 3 năm)</i>	<i>234.310.000</i>	<i>-</i>	<i>254.310.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất An Phát (quá hạn trên 3 năm)</i>	<i>388.580.000</i>	<i>-</i>	<i>388.580.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long (quá hạn trên 3 năm)</i>	<i>316.800.000</i>	<i>-</i>	<i>316.800.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung (quá hạn trên 3 năm)</i>	<i>284.408.948</i>	<i>-</i>	<i>284.408.948</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.374.525.661</i>	<i>235.219.260</i>	<i>1.193.818.146</i>	<i>76.096.500</i>

Giá trị có thể thu hồi của nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	801.022.500	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.657.261.278	-	7.016.721.611	-
Công cụ, dụng cụ	2.751.572.939	-	19.367.732	-
Thành phẩm	14.881.086.140	(869.189.121)	17.698.038.757	(1.069.508.355)
Hàng hóa	6.116.841.380	-	2.405.159.907	-
Cộng	27.406.761.737	(869.189.121)	27.940.310.507	(1.069.508.355)

Trong năm Công ty đã hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho với số tiền 200.319.234 VND chủ yếu tương ứng với số dự phòng đã trích lập của thành phẩm đã bán trong kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09a-DN

8. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐÌNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	21.862.147.125	7.189.021.728	7.573.192.260	1.253.633.864	37.877.994.977
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(937.327.953)	-	(937.327.953)
Số dư cuối kỳ	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.253.633.864	36.940.667.024
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	19.965.604.550	7.189.021.728	5.519.405.278	611.527.470	33.285.559.026
Trích khấu hao trong kỳ	574.240.268	-	53.213.502	207.402.516	834.856.286
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(937.327.953)	-	(937.327.953)
Số dư cuối kỳ	20.539.844.818	7.189.021.728	4.635.290.827	818.929.986	33.183.087.359
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư cuối kỳ	1.322.302.307	-	2.000.573.480	434.703.878	3.757.579.665
Số dư đầu kỳ	1.896.542.575	-	2.053.786.982	642.106.394	4.592.435.951

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.546.408.730 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.420.481.391 VND).

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	1.205.876.965	1.205.876.965	1.705.876.965	1.705.876.965
Các đối tượng khác	784.214.761	784.214.761	393.820.081	393.820.081
	1.990.091.726	1.990.091.726	2.099.697.046	2.099.697.046

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(19.293.055)	327.855.836	134.560.899	174.001.882
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	187.671.197	187.671.197	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	54.661.514	54.661.514	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(111.873.614)	-	-	(111.873.614)
Thuế thu nhập cá nhân	1.457.990	2.748.550	3.388.040	818.500
Thuế tài nguyên	128.880	757.620	744.660	141.840
Thuế nhà đất	-	483.584.504	483.584.504	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(129.579.799)	1.060.279.221	867.610.814	63.088.608
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.586.870			174.962.222
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	131.166.669			111.873.614

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	3.055.112.850	3.055.112.850	2.015.071.750	4.055.112.850	1.015.071.750	1.015.071.750
Cộng	3.055.112.850	3.055.112.850	2.015.071.750	4.055.112.850	1.015.071.750	1.015.071.750

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam với hạn mức tín dụng 7 tỷ VND, thời hạn vay trong vòng từ 02 tháng đến 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay tín chấp và chịu lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng với Công ty tại từng thời điểm giải ngân.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế) VND	Cộng VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Số dư đầu kỳ trước	39.245.500.000	1.502.539.510	2.844.792.010	43.592.831.520
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(217.905.322)	(217.905.322)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành	-	-	(490.062.010)	(490.062.010)
Chia cổ tức	-	-	(2.354.730.000)	(2.354.730.000)
Số dư cuối kỳ trước	39.245.500.000	1.502.539.510	(217.905.322)	40.530.134.188
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Số dư đầu kỳ này	39.245.500.000	1.502.539.510	(3.286.700.170)	37.461.339.340
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(4.999.732.955)	(4.999.732.955)
Số dư cuối kỳ này	39.245.500.000	1.502.539.510	(8.286.433.125)	32.461.606.385

Cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40 tỷ VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	33.245.000.000	33.245.000.000
Các cổ đông khác	6.000.500.000	6.000.500.000
	39.245.500.000	39.245.500.000

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.887.084.320	130.485.816.329
Doanh thu bán thành phẩm	9.053.689.335	26.331.953.165
Doanh thu bán hàng hóa	9.205.516.680	103.352.056.670
Doanh thu cung cấp dịch vụ	627.878.305	801.806.494
Các khoản giảm trừ doanh thu	50.201.817	-
Giảm giá hàng bán	50.201.817	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.836.882.503	130.485.816.329
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 20)	2.798.248.934	15.232.546.473

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10.381.410.979	20.130.684.782
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.708.479.071	103.549.254.942
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	198.276.080	223.194.546
	19.288.166.130	123.903.134.270

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.465.847.099	15.887.885.322
Chi phí nhân công	5.306.601.468	6.318.584.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	846.356.288	970.089.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.849.399.703	3.711.896.378
Chi phí khác bằng tiền	621.443.475	3.528.690.362
	15.089.648.033	30.417.146.155

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	1.495.577.402	951.081.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền	502.043.571	1.055.978.392
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	303.304.440	1.198.811.796
	2.300.925.413	3.205.871.806
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	932.730.131	586.016.029
Cước vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	1.103.409.254	2.508.689.603
Các khoản chi phí bán hàng khác	246.671.970	499.272.586
	2.282.811.355	3.593.978.218
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	72.147.048
	-	72.147.048

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.999.732.955)	(106.031.708)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	161.148.000	665.399.778
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(4.838.584.955)	559.368.070
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	111.873.614

19. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(4.999.732.955)	(217.905.322)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(4.999.732.955)	(217.905.322)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	3.924.550	3.924.550
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.274)	(56)

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	2.798.248.934	15.232.546.473
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	9.131.710.936	6.152.878.750
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	1.012.500.000

Công ty có số dư chủ yếu tại ngày kết thúc kỳ hoạt động với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu khí - CTCP	1.990.598.837	2.636.427.386
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	40.925.000	21.825.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	567.673.063	969.980.586

Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Lê Thị Việt Hà
Phó phòng phụ trách kế toán



Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

